

Bản án số: 43/2023/DS -ST

Ngày 21/9/2023.

V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Mạnh Trường.

2. Ông: Vũ Văn Phong.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 05/01/2023 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân D, sinh năm 1947; Trú tại: Thôn 4, xã K, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bị đơn:

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1971 (con ông Bùi Xuân D1); Trú tại: Nhà số 13, đường số 1, khu dân cư Hiệp Bình, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

- Anh Bùi Văn G, sinh năm 1974 (con ông Bùi Xuân D1); Trú tại: Số 63/55, đường 10 khu phố 3, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, (vợ ông D) sinh năm 1951; Trú tại: Thôn 4, xã K, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Bùi Xuân D, sinh năm 1947; Trú tại: Thôn 4, xã K, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1949; Trú tại: Thôn Q, đội 13, xã H, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1954; Trú tại: Thôn 2, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Bà Hà Thị N (vợ ông Bùi Xuân D1), sinh năm 1948; Trú tại: Thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Chị Bùi Thị P, sinh năm 1977 (con ông Bùi Xuân D1); Trú tại: Số 188/3, đường X, khu phố 2, phường A, thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

- Anh Bùi Quang L, sinh năm 1980 (con ông Bùi Xuân D1); Trú tại: P3 - 39 - 12A khu dân cư V, số 720 Đ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1982 (con ông Bùi Xuân D1); Trú tại: Số 188/3, đường X, khu phố 2, phường A, thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa: Có mặt ông D.

Vắng mặt: Bà N, bà T2, bà T1, chị P (có đơn xin xét xử vắng mặt); Bà T (có giấy ủy quyền cho ông D thay mặt tham gia phiên tòa); Chị H, anh G, anh L, chị H (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Bùi Xuân D trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Bùi Xuân Rung (sinh năm 1910, chết năm 1987) và cụ Bùi Thị Rung A (sinh năm 1915, chết năm 2001) có 04 người con gồm: Ông Bùi Xuân D1 (sinh năm 1942, chết năm 2000); Bà Bùi Thị T1; Bà Bùi Thị T2 và ông (Bùi Xuân D).

Ông D1 có vợ là bà Hà Thị N và có 05 người con gồm: Bùi Thị H; Bùi Văn G; Bùi Thị P; Bùi Quang L; Bùi Thị Thu H.

Sau khi chết, hai cụ Rung để lại di sản là 1110m² đất (gồm 310m² đất ở, 165m² đất vườn, 635m² đất ao) tại thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11, thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Ngày 28/8/1995 UBND huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 2021 mang tên cụ Bùi Thị Rung A. Khi còn sống bố mẹ ông chưa chuyển nhượng hoặc tặng cho thửa đất của mình cho ai. Khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc.

Năm 1984 gia đình ông Bùi Xuân D1 đi kinh tế mới trong miền Nam. Năm 2007, bà N (vợ ông D1) về quê và đề nghị với ông được nhận phần đất ông D1 được chia trong khối di sản của cụ Rung để lại. Giữa gia đình ông và bà N đã thống nhất đổi phần đất ông D1 được chia tại thửa đất số 2021 của bố mẹ để lại lấy

120m² đất của gia đình ông. Bà N đã nhận phần đất đổi của gia đình ông làm nhà ở và sinh sống từ đó cho đến nay. Các em của ông, các con của ông D1 đều biết, đều đồng ý việc đổi đất này không ai có ý kiến thắc mắc gì.

Năm 2022 ông và bà N, bà T2, bà T1 họp gia đình để phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại đã thống nhất để lại toàn bộ thửa đất 2021 của bố mẹ cho ông được quyền sử dụng. Do bà T2 và bà T1 đều nhất trí để lại toàn bộ phần di sản thừa kế của mình được chia tại thửa đất 2021 cho ông và trước đó ông đã đổi đất cho bà N để lấy phần đất là di sản thừa kế ông D1. Tuy nhiên, chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn G là con ông Bùi Xuân D1 không đồng ý, không ký vào giấy tờ để chuyển nhượng thửa đất 2021 cho ông. Vì vậy ông đã khởi kiện, đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là quyền sử dụng 1110m² đất (gồm 310m² đất ở, 165m² đất vườn, 635m² đất ao) tại thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11 tại thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị N có ý kiến như sau:

Năm 2007 bà đề nghị với các em chồng cho được nhận phần thừa kế của ông D1 trong khối di sản của bố mẹ chồng để lại. Khi đó ông D có nói với bà là đổi cho bà phần đất ông D1 được chia thừa kế tại thửa đất 2021 lấy khoảng 120m² đất của ông D ở gần thửa đất của bố mẹ để lại, bà đã đồng ý. Sau khi đổi đất, bà đã làm nhà ở từ năm 2007 cho đến nay. Việc đổi phần đất ông D1 được hưởng trong khối di sản của cụ Rung để lại, Bà có nói cho các con biết các con của bà đều đồng ý và không có ý kiến gì. Quan điểm của bà về việc ông D khởi kiện chia di sản thừa kế của hai cụ Rung để lại như sau: Từ năm 2007, bà đã đổi phần đất của ông D1 được chia từ di sản của bố mẹ chồng để lại tại thửa đất số 2021 cho ông D để lấy 120m² đất của gia đình ông D. Đến nay gia đình bà không còn quyền lợi gì đối với khối di sản của bố mẹ để lại. Bà đồng ý giao cho ông Bùi Xuân D được sử dụng toàn bộ thửa đất 2021.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T1, bà Bùi Thị T2 có ý kiến thống nhất như sau:

Việc ông D và bà N thỏa thuận đổi phần đất thừa kế ông D1 được chia tại thửa đất 2021 để lấy 120m² đất của gia đình ông D các bà đều biết và không có ý kiến gì. Các bà tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế mà mình được chia từ di sản bố mẹ để lại tại thửa đất 2021 cho ông D và đồng ý giao cho ông D được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 2021.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan, chị Bùi Thị P có ý kiến như sau:

Chị không biết về nguồn gốc thửa đất 2021, việc đổi đất giữa ông D và bà N là việc của bố mẹ. Bà nhất trí để ông Bùi Xuân D hưởng toàn bộ thừa kế của hai cụ Rung để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn G, anh Bùi Quang L, chị Bùi Thị Thu H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xuân D.

- Theo yêu cầu của đương sự, ngày 28/7/2023 Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh thành lập Hội đồng định giá, tiến hành xem xét thẩm định thực tế và định giá đối với di sản của vợ chồng cụ Rung để lại tại thửa đất 2021.

+ Kết quả xem xét thẩm định hiện trạng thửa đất 2021 như sau:

Thửa đất có diện tích là 1138,4m², có tứ cận như sau: Phía Bắc G đất nhà ông Ruăn, ông Yên; Phía Nam G đất nhà ông Đáng; Phía Đông G nhà và đường xóm; Phía Tây G đất nhà ông Bút.

Thửa đất đã xây tường bao hoặc xây các công trình kiến trúc phần G ranh với các hộ liền kề.

Các công trình kiến trúc tại thửa đất gồm: Phía Bắc có 1 ngôi nhà mái bằng 1 tầng và 1 lán tôn cạnh nhà mái bằng; Phía Đông có 1 cổng để đi vào thửa đất; Giữa thửa đất có 01 ngôi nhà 2 tầng và mái hiên nhà 2 tầng, G nhà 2 tầng và nhà bếp và 1 lán tôn. Trên thửa đất có trồng một cây vải, cao khoảng 3,7 mét.

Ông D là người xây dựng các công trình kiến trúc và trồng cây tại thửa đất. Ông D không đề nghị định giá đối với công trình kiến trúc và cây trồng trên đất.

+ Hội đồng định giá đã định giá đất theo giá trị thị trường tại thời điểm hiện nay đối với thửa đất 2021 như sau: Đất ở là 2.000.000 đồng/1m² (hai triệu đồng/1m²); Đất vườn và đất ao là 1.000.000 đồng/1m² (một triệu đồng/1m²).

Theo cung cấp của UBND xã K:

- Vợ chồng cụ Bùi Xuân Rung và cụ Bùi Thị Rung A có 04 người con gồm: Ông Bùi Xuân D1; Bà Bùi Thị T1; Bà Bùi Thị T2 và Bùi Xuân D. Sau khi chết, vợ chồng cụ Rung không để lại di chúc đối với di sản của mình.

- Nguồn gốc thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11 tại thôn 4, xã K, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định như sau :

Theo bản đồ năm 1986 (bản đồ 299) thửa đất 2021 mang số thửa 1788, diện tích 360m² mang tên ông D1.

Theo bản đồ năm 1992, chỉnh lý năm 1995 thì thửa đất 1788 chỉnh lý thành thửa 2021, có diện tích 1100m² gồm 310m² đất ở, 165m² đất vườn và 635m² đất ao chủ sử dụng là Bùi Thị Rung A.

Hiện nay UBND xã K không lưu giữ các tài liệu liên quan đến thửa đất 2021 từ trước năm 1986.

- Bà Hà Thị N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 103m² đất tại thửa đất 4035, tờ bản đồ số 11 tại thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Diện tích đất bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tách ra từ thửa đất của ông D đổi cho bà. Đối với phần đất bà N không được cấp giấy chứng nhận tại thửa đất ông D1 đổi cho bà, hiện tại bà N vẫn D1 sử dụng

- Hiện nay diện tích thửa đất 2021 tăng thêm 28,4m² là do sai số khi đo đạc và được chấp nhận, diện tích đất tăng thêm thuộc phần đất ao tại thửa đất trên.

Tại phiên tòa:

- Ông Bùi Xuân D đề nghị Tòa án giao cho ông được quyền sử dụng thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11 tại thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định theo diện tích thực tế hiện nay.

- Đại diện VKSND huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

* Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, xác định đầy đủ nội dung quy định tại BLTTDS.

Thẩm phán được phân công giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng quy định tại Điều từ 93 đến 98 BLTTDS. Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS, cho đương sự đảm bảo đúng theo Điều 195, 196 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71; Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

* Về nội dung:

Cụ Bùi Xuân Rung (sinh năm 1910, chết năm 1987) và cụ Bùi Thị Rung A (sinh năm 1915, chết năm 2001) có một thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11 tại thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định ; Đã được UNND huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Bùi Thị Rung A. Hai cụ Rung có 04 người con gồm: Ông Bùi Xuân D1 (chết năm 2000); Bà Bùi Thị T1; Bà Bùi Thị T2 và ông Bùi Xuân D. Ông D1 (chết năm 2000) có vợ là bà Hà Thị N. Bà N và ông D1 có 05 người con gồm: Chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn G; chị Bùi Thị P, anh Bùi Quang L, chị Bùi Thị Thu H.

- Ông D đã đổi đất của gia đình ông cho bà N là 120m². Bà N đã xây nhà ở và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

- Bà N, bà T1, bà T2 đều nhất trí để ông D sử dụng toàn bộ thửa đất 2021.

- Chị P nhất trí để ông D được sử dụng thửa đất 2021.

- Chị H, anh G, anh L, chị H không có ý kiến về nội dung khởi kiện của ông D cũng như quan điểm về việc chia thừa kế.

- Ông D1 chết trước mẹ nên bà N và các con được hưởng kỹ phần thừa kế thế vị từ di sản của cụ Rung để lại. Ông D1 đã đổi đất cho bà N để ra thổ khác ở tương ứng với phần di sản mà ông D1 được hưởng thừa kế của cụ Rung để lại.

- Áp dụng Điều 649, 650, 651, 652 BLDS đề nghị HĐXX giao cho ông Bùi Xuân D được quyền sở hữu toàn bộ thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11, diện tích 1110 m², thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Án phí dân sự các đương sự phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

1.1. Bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị T1, bà Bùi Thị T2, bà Hà Thị N, bà Bùi Thị P vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bà T đã có giấy ủy quyền cho ông D thay mặt tham gia giải quyết vụ án; Bà T1, bà T2, bà N và bà P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn G, ông Bùi Quang L, bà Bùi Thị Thu H nhưng các đương sự không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung :

2.1. Về diện và hàng thừa kế: Cụ Bùi Xuân Rung (sinh năm 1910, chết năm 1987) và cụ Bùi Thị Rung A (sinh năm 1915, chết năm 2001) có 04 người con gồm: Ông Bùi Xuân D1; Bà Bùi Thị T1; Bà Bùi Thị T2 và ông Bùi Xuân D. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Xuân Rung và cụ Bùi Thị Rung A gồm: ông Bùi Xuân D1, ông Bùi Xuân D, bà Bùi Thị T2 và bà Bùi Thị T1.

2.2. Về xác định khối di sản thừa kế : Khi còn sống, cụ Bùi Xuân Rung và cụ Bùi Thị Rung A có khối tài sản chung là 1110m² đất (gồm 310m² đất ở, 165m² đất vườn, 635m² đất ao), tại thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11 tại thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Thửa đất 2021 đã được UBND huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Bùi Thị Rung A vào ngày 28/8/1995. Khi hai cụ chết, di sản của hai cụ để lại được xác định là QSD thửa đất số 2021, diện tích 1110m² (gồm 310m² đất ở, 165m² đất vườn, 635m² đất ao) tại

thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11, thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định (diện tích thực tế hiện nay của thửa đất số 2021 là 1138,4m²).

Cụ Bùi Xuân Rung và cụ Bùi Thị Rung A khi chết không để lại di chúc đối với khối di sản của mình để lại, do đó di sản của hai cụ sẽ được chia thừa kế cho 04 người con là ông D1, ông D, bà T2 và bà T1 theo quy định của pháp luật, vì vậy đơn khởi kiện của ông Bùi Xuân D có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về việc phân chia di sản thừa kế:

Ông D, bà N, bà T2 và bà T1 đều có ý kiến thống nhất về việc: Năm 2007, bà N về quê và đề nghị được nhận phần đất của ông D1 được chia trong khối di sản của vợ chồng cụ Rung để lại tại thửa đất 2021. Giữa ông D và bà N đã thống nhất đổi phần đất ông D1 được chia thừa kế tại thửa đất 2021 lấy khoảng 120m² đất của gia đình ông D. Bà N đã nhận phần đất của gia đình ông D đổi cho bà N và đã sinh sống tại thửa đất này từ năm 2007 cho đến nay. Việc đổi đất giữa ông D và bà N thì bà T2, bà T1 và các con ông D1 đều biết, đều đồng ý và không ai có ý kiến gì khác.

Xét thấy: Việc bà N và ông D thỏa thuận đổi phần đất ông D1 được chia trong khối di sản của vợ chồng cụ Rung để lại lấy khoảng 120m² đất của gia đình ông D là sự tự nguyện giữa các bên. Các em của ông D và các con của bà N đều biết việc đổi đất, không ai có ý kiến gì về việc này. Bà N đã sinh sống, xây nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nhận từ gia đình ông D, nên thỏa thuận đổi đất này là hợp pháp, được HĐXX chấp nhận. Do đó, phần đất thừa kế của ông D1 được chia trong khối di sản của vợ chồng cụ Rung để lại tại thửa đất 2021 thuộc về ông D.

Bà Bùi Thị T2 và Bùi Thị T1 đều có ý kiến nhường toàn bộ phần di sản thừa kế mà mình được chia từ di sản bố mẹ để lại tại thửa đất 2021 cho ông D. Ý kiến của bà T2, bà T1 là tự nguyện, không trái pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Theo đo đạc thực tế, hiện nay thửa đất 2021 có diện tích 1138,4m², tăng thêm 28,4m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thị Rung A. Theo chính quyền địa phương, phần đất tăng thêm này là do sai số khi đo đạc và thuộc đất ao là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận, do đó cần tiếp tục giao cho ông D sử dụng phần diện tích đất tăng thêm này.

Từ các căn cứ nêu trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ và được chấp nhận; giao cho ông D được sử dụng toàn bộ thửa đất số 2021 theo diện tích thực tế hiện nay là 1138,4m².

[3] Về án phí:

3.1. Ông D, bà Bùi Thị T2, Bùi Thị T1 và bà Hà Thị N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

3.2. Chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn G là bị đơn nhưng không có yêu cầu và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn lên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Trả lại cho ông Bùi Xuân D 3.000.000 đồng tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002200 ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

[5] Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Ông D nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đã nộp đủ nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự; Các Điều 5, 26, 35, 91, 147, 157, 161, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia sản thừa kế của ông Bùi Xuân D đối với di sản cụ Bùi Xuân Rung và cụ Bùi Thị Rung A để lại là Quyền sử dụng thửa đất số 2021, diện tích 1138,4m², tờ bản đồ số 11 tại thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Giao cho ông Bùi Xuân D được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 2021, tờ bản đồ số 11 tại thôn 4, xã K, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Thửa đất 2021 có diện tích 1138,4m² gồm 310m² đất ở, 165m² đất vườn và 663,4m² đất ao.

Thửa đất 2021 có tứ cận như sau: Phía Bắc G đất nhà ông Ruăn, ông Yên; Phía Nam G đất nhà ông Đáng; Phía Đông G nhà đường xóm; Phía Tây G đất nhà ông Bút (*có sơ đồ kèm theo*).

2. Ông Bùi Xuân D có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Bùi Xuân D, bà Bùi Thị T2, Bùi Thị T1 và bà Hà Thị N (là người cao tuổi).

4. Trả lại cho ông Bùi Xuân D **3.000.000** đồng (*ba triệu đồng*) tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002200 ngày 05/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

5. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng